TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2019
V/v ly hôn giữa chị A và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Yến;

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị A, sinh năm 1989 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn Y, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988 "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn Y, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019, các lời khai và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị và anh N về chung

sống tại nhà riêng của vợ chồng. Thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm. Đến năm 2015 xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say về đA chửi chị. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Vũ Thao, sinh năm 2010 và cháu Nguyễn Thị Hà Như, sinh năm 2015. Các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập mỗi tháng 7 triệu đồng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị A trình bày là đúng. Do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên có những lúc anh đA chửi chị A. Nay chị A xin ly hôn anh không nhất trí nhưng nếu như chị A nhất quyết xin ly hôn thì tôi cũng không có ý kiến gì.

Về nuôi con chung: Anh đề nghị được nuôi 01 con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị A chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và N vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56,81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị A được ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: Giao cho chị A trực tiếp nuôi 02 con chung Nguyễn Vũ Thao, sinh năm 2010 và Nguyễn Thị Hà Như, sinh năm 2015. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ các được sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh N vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị A và anh Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa chị A và anh N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị A và anh N đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh N. Anh N không muốn ly hôn nhưng cũng xác nhận vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và chị A nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng không có ý kiến. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị A và anh N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị A được ly hôn anh N.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị A và anh N có 02 con chung là Nguyễn Vũ Thao, sinh năm 2010 và Nguyễn Thị Hà Như, sinh năm 2015. Các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, hiện nay 02 cháu đang ở với chị A. Chị A có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và có đủ điều kiện nuôi con. Cháu Thao có nguyện vọng được ở với chị A. Anh N có nguyện vọng nuôi 01 con nhưng qua xác minh tại địa phương được biết anh N hiện không có việc làm ổn định và thường xuyên uống rượu say nên không đủ điều kiện để nuôi. Do vậy cần giao cho chị A nuôi dưỡng cả 02 là phù hợp. Anh N có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Vũ Thị A và anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị A trực tiếp nuôi cả 02 con chung Nguyễn Vũ Thao, sinh năm 2010 và Nguyễn Thị Hà Như, sinh năm 2015. Anh N có quyền, N vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

2. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003819 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã S, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy